

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính Phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản số 358/CV-BDDCN ngày 25/6/2026 và hồ sơ kèm theo (mã số hồ sơ H15.50-260626-100294) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, quy mô 1.200 giường” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 643/TTr-SNNMT ngày 08/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ tại 10A Trần Hưng Đạo, phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, quy mô 1.200 giường” tại số 184 đường Trần Quý Cáp, phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, quy mô 1.200 giường.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 184 đường Trần Quý Cáp, phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Dự án Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên; Quyết định 1227/QĐ/UBND ngày 04/6/2018 về việc đổi tên Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên trực thuộc Sở Y tế; Quyết định số 799b/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp Khoa Ung bướu thành Trung tâm Ung bướu thuộc Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên.

1.4. Mã số thuế: 6000467388.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 120.180,20 m²

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất: 1.200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Nội dung cấp phép khí thải theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Buon Ma Thuật tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Y tế;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Ban QLDA DTXD CTDD&CN tỉnh;
- UBND phường Buon Ma Thuật;
- Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên;
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải y tế phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh của các khoa phòng Bệnh viện.
- Nguồn số 02: Nước thải nhiễm phóng xạ phát sinh từ các nhà vệ sinh khu vực Trung tâm Ung bướu.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh tại Bệnh viện.
- Nguồn số 04: Nước thải từ khoa dinh dưỡng tại Bệnh viện.
- Nguồn số 05: Nước thải lavabo, phễu thoát sàn phát sinh từ các nhà vệ sinh tại Bệnh viện.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ khu giặt ủi tại Bệnh viện.
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ khu xử lý rác thải rắn (tại khu vực lò hấp chất thải y tế lây nhiễm và các kho lưu chứa chất thải rắn) tại Bệnh viện.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: phường Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Suối Ea Mleo, phường Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X= 1400264; Y = 451247.
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.500 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo cống thoát nước thải chung của cơ sở (cống bê tông cốt thép D1.000mm, dài 50m, đặt ngầm) về cống thoát nước chung (cống bê tông cốt thép D1.200mm, dài 230m, đặt ngầm), sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận là suối Ea Mleo.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A, K=1), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	03 tháng/lần ⁽¹⁾	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	40		
3	pH	-	6,5 - 8,5		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
5	COD	mg/l	50		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
8	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	01		
9	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	06		
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
14	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		
15	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
16	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
17	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

(1) Khi cơ sở đã thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và được xác nhận hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định, được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải y tế phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh của các khoa phòng (nguồn số 01) được dẫn qua hệ thống thu gom nước thải về hố gom chung rồi đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải nhiễm phóng xạ từ Trung tâm Ung bướu (nguồn số 02) được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại phóng xạ, sau đó dẫn về 02 bể lắng phân rã chất phóng xạ để lưu giữ và chờ phân rã. Sau khi kiểm tra xác nhận hoạt độ phóng xạ đạt giới hạn cho phép theo quy định, nước thải được đưa về hệ thống thu gom chung của bệnh viện sau đó đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh (nguồn số 03) được dẫn qua bể tự hoại được bố trí tại mỗi khu vực, nước thải sau đó được đưa về hệ thống thu gom chung của bệnh viện, rồi đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải từ khoa dinh dưỡng tại Bệnh viện (nguồn số 04): Nước thải từ các nhà vệ sinh được dẫn qua bể tự hoại đặt tại từng khu vực. Nước thải phát sinh từ khu vực căng tin Bệnh viện được thu gom riêng và dẫn qua bể tách dầu mỡ. Sau đó, theo hệ thống thu gom nước thải về hố gom chung và đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ thiết bị lavabo, phễu thu sàn trong các nhà vệ sinh (nguồn số 05) được dẫn qua hệ thống đường ống thu gom về hố gom chung rồi đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải phát sinh từ khu giặt ủi (nguồn số 06) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 45 m³/ngày.đêm. Nước thải sau đó được đưa về hố gom chung rồi đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nước thải phát sinh từ khu xử lý rác thải rắn (nguồn số 7): gồm nước thải từ lò hấp chất thải y tế lây nhiễm và nước rửa sàn các kho lưu chứa chất thải rắn được dẫn về bể tự hoại đặt tại khu vực để xử lý sơ bộ. Khi bể tự hoại đầy sẽ được hút đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại

- Số lượng: 64 bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hồ thu gom (có bố trí song chắn rác) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Dung tích: 5, 16, 30 và 50 m³/bể.

- Hóa chất sử dụng: Không

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Số lượng: 01 bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải căn tin → Ngăn thu gom (có bố trí lưới lọc rác) → Ngăn lọc dầu mỡ → Ngăn chứa → Hồ thu gom (có bố trí song chắn rác) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Dung tích: 01 m³.

- Hóa chất sử dụng: Không

1.2.3. Công trình xử lý sơ bộ nước thải giặt ủi công suất 45 m³/ngày.đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải giặt là → Hồ thu gom (có bố trí song chắn rác) → Bể keo tụ - tạo bông → Bể tuyển nổi (DAF) → Hồ thu gom (có bố trí song chắn rác) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Hóa chất sử dụng: PAC (Poly Aluminium Chloride); Polymer (Anion/Cation); NaOH hoặc H₂SO₄ (hoặc các hóa chất khác tương đương).

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung tổng công suất 1.500 m³/ngày đêm, gồm 03 hệ thống xử lý nước thải:

a) Hệ thống xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu gom (có bố trí song chắn rác) → Bể điều hòa → Lọc tinh → Ngăn chứa đệm vi sinh → Ngăn chứa vật liệu lọc → Ngăn khử trùng → Hồ gom chung → Suối Ea Mleo.

- Hóa chất sử dụng: Men vi sinh; Mật rỉ đường; Hóa chất khử khuẩn (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định).

b) Hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu gom (có bố trí song chắn rác) → Bể điều hòa → Lọc tinh → Ngăn chứa đệm vi sinh → Ngăn chứa vật liệu lọc → Ngăn khử trùng → Hồ gom chung → Suối Ea Mleo.

- Hóa chất sử dụng: Men vi sinh; Mật rỉ đường; Hóa chất khử khuẩn (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định).

c) Hệ thống xử lý nước thải công suất 650 m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu gom (có bố trí song chắn rác) → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ gom chung → Suối Ea Mleo.

- Hóa chất sử dụng: Men vi sinh; Mật rỉ đường; Hóa chất khử khuẩn (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định. Tại thời điểm cấp giấy phép môi trường chưa lắp đặt, yêu cầu chủ cơ sở thực hiện lắp đặt hệ thống như sau:

- Vị trí lắp đặt: Sau hệ thống xử lý nước thải, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), COD, TSS, pH, nhiệt độ, Amoni.
- Camera theo dõi.
- Thiết bị lấy mẫu tự động.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu phải được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.
- Thường xuyên theo dõi, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Phân công nhân viên kỹ thuật vận hành, kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.
- Chuẩn bị sẵn các vật tư, phụ tùng để thay thế, sửa chữa khi máy móc thiết bị hỏng.
- Lấy mẫu và phân tích định kỳ chất lượng nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của các hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Lập Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.
- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại dự án theo quy định.
- Khi một trong các hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện gặp sự cố không thể khắc phục ngay, tiến hành ngắt dòng nước thải cấp vào hệ thống này để sửa chữa. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được điều hướng, tăng tải sang 02 hệ thống còn lại, đảm bảo hiệu quả xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột A) trước khi xả thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày đêm, công suất 500 m³/ngày đêm, công suất 650 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Nước thải tại bể thu gom.
- Vị trí lấy mẫu đầu ra: tại đầu ra sau bể khử trùng của các hệ thống xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày đêm, công suất 500 m³/ngày đêm và công suất 650 m³/ngày đêm.

2.2.2. Các chất ô nhiễm và trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm 03 hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT), cụ thể như sau: Ít nhất 01 ngày/lần trong ít nhất 03 ngày liên tiếp (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra/01 hệ thống xử lý nước thải trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) kể từ ngày 01/01/2032.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.7. Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với nội dung này.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực công trình tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1 Tiếng ồn

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép		Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
			Từ 6h00 đến 21h00	Từ 21h00 đến 6h00	
1	Tiếng ồn	dBA	55	45	QCVN 26:2010/BTNMT

2.2 Độ rung

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tối đa cho phép		Quy chuẩn kỹ thuật môi trường
			Từ 6h00 đến 18h00	Từ 18h00 đến 6h00	
2	Độ rung	dB	60	55	QCVN 27:2010/BTNMT

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:****1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh các hoạt động gây ồn cùng làm việc sẽ gây nên tác động cộng hưởng.

- Máy vận hành đúng theo công suất thiết kế.

- Không cho các máy móc có độ ồn cao làm việc vào những giờ nghỉ ngơi để tránh ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

- Lắp đặt, cân chỉnh máy đúng làm giảm lực rung.

- Máy vận hành đúng theo công suất thiết kế.

- Định kỳ và thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dự kiến khoảng 209.489 kg/năm. Trong đó: khối lượng chất thải rắn y tế lây nhiễm phát sinh khoảng 208.289 kg/năm; khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh khoảng 700kg/năm; khối lượng chất thải nguy hại khác phát sinh khoảng 500 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: dự kiến khoảng 734.824 kg/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế: dự kiến phát sinh khoảng 14.647 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Kho chứa chất thải y tế lây nhiễm chờ xử lý: Xây tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng, có biển báo ghi rõ tên chất thải lưu chứa, tại khu vực lưu chứa bố trí thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải, thiết bị lưu chứa có dán mã, tên chất thải nguy hại. Có lắp bảng hướng dẫn phân loại chất thải nguy hại và phương án xử lý trong trường hợp khẩn cấp, nội quy khu vực lưu chứa tạm thời chất thải.

- Diện tích: 42 m².

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm: Xây tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng, có biển báo ghi rõ tên chất thải lưu chứa, tại khu vực lưu chứa bố trí thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải, thiết bị lưu chứa có dán mã, tên chất thải nguy hại. Có lắp bảng hướng dẫn phân loại chất thải nguy hại và phương án xử lý trong trường hợp khẩn cấp, nội quy khu vực lưu chứa tạm thời chất thải.

- Diện tích: 31,5 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Kho chứa chất thải tái chế: Xây tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng.

- Diện tích kho: 42 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Kho chứa chất thải sinh hoạt: Xây tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng.

- Diện tích kho: 42 m²

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải nguy hại

- Thiết bị hấp tiệt trùng chất thải lây nhiễm hiệu Matachana, model 1830 L1, xuất xứ Barcelona, công suất 200 kg/mẻ.

- Máy nghiền dùng để nghiền rác thải sau khi hấp khử khuẩn.

3.1.1. Loại chất thải tự xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm.

3.1.2. Khối lượng chất thải tự xử lý: khoảng 208.289 kg/năm.

3.1.3. Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý:

- Quy trình xử lý: Chất thải y tế lây nhiễm (chất thải được bỏ vào túi hấp chịu nhiệt, xếp vào lồng hấp) → nạp vào khoang xử lý → hút chân không phân đoạn → gia nhiệt → Tiệt trùng chất thải → Sấy khô chất thải → Khử chân không → chất thải sau xử lý được chuyển sang máy nghiền → nghiền nhỏ chất thải → thu gom, lưu chứa và xử lý cùng với chất thải rắn thông thường.

- Dòng khí được hút ra từ buồng hấp trong giai đoạn tạo chân không được dẫn qua bộ lọc HEPA để giữ lại các hạt bụi và vi sinh vật, ngăn ngừa phát tán mầm bệnh ra môi trường; bộ lọc HEPA cũng được khử khuẩn trong suốt chu trình vận hành. Sau khi qua bộ lọc HEPA, dòng khí tiếp tục được dẫn vào bể nước để sục làm ngưng tụ hơi nước.

- Nước thải từ lò hấp chất thải y tế lây nhiễm được dẫn về bể tự hoại đặt tại khu xử lý rác thải rắn 2 để xử lý sơ bộ, khi bể tự hoại đầy sẽ được hút đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

3.2. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải y tế

- Bố trí khu vực đặt thiết bị xử lý chất thải có diện tích 94,5m², kết cấu nền xi măng, tường gạch bao quanh, có mái che, cửa kín. Khu vực đặt thiết bị xử lý chất thải tách biệt với khu điều trị, khám chữa bệnh.

- Vận hành thường xuyên công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế theo hướng dẫn của nhà sản xuất, bảo đảm xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật về giám sát, quan trắc môi trường.

- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý chất thải y tế theo hướng dẫn của nhà sản xuất và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế theo quy định.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ đối với thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm theo quy định tại QCVN 55:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với công trình tự xử lý chất thải y tế lây nhiễm: Trường hợp thiết bị gặp sự cố không thể khắc phục ngay (từ 48h trở lên) thì Bệnh viện sẽ thực hiện hợp đồng chuyển giao chất thải lây nhiễm cho các đơn vị có đủ chức năng để thu gom, xử lý theo quy định trong thời gian khắc phục sự cố. Không lưu chứa chất thải lây nhiễm quá 48h tại Bệnh viện.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chủ cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không còn hạng mục phải tiếp tục đầu tư theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

2. Bảo đảm an toàn bức xạ theo quy định tại Thông tư số 59/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn;

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.